

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ THIỆN  
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2020

V/v: “Ly hôn và nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Đức Ruyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Rmah Ét và bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần M Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc M - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST - HN&GD ngày 10/12/2019; về yêu cầu Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M Th, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai (có mặt).

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí T, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện P, Gia Lai (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị M Th trình bày:

*Về hôn nhân:* Tôi và anh T kết hôn vào ngày 23/ 8/ 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng sau đó thì mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, lý do anh T và tôi thường trái ngược nhau về quan điểm sống, anh T thường xuyên chơi cờ bạc nợ tiền lung tung, không quan tâm lo lắng tiền bạc cho vợ con, mâu thuẫn đỉnh điểm nhất của chúng tôi là ngày 29/12/2017 vợ chồng đánh chửi nhau gay gắt, mâu thuẫn của vợ chồng được hai bên gia đình bạn bè khuyên nhủ, nhưng anh T hứa cả trăm ngàn lần bỏ bài bạc không chơi nữa, nhưng 10 năm nay không thay đổi gì, vẫn chứng nào tật đấy; tôi cố gắng chịu đựng động viên vì gia đình con cái, để làm thay đổi cách sống chơi cờ của anh T, nhưng không có kết quả, bản thân tôi không thể chịu đựng được nữa, chính vì vậy mà vợ chồng đã sống ly thân nhau quá lâu rồi, hiện nay tôi không

còn T cảm yêu thương anh T nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài; vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Tôi và anh T có 02 con chung, tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 15/4/2004 và Nguyễn Chí Th, sinh ngày 17/7/2006, nếu được ly hôn tôi xin nhận nuôi 02 con và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí ly hôn:* Tôi tự nguyện chịu án phí theo quy định.

*Đối với bị đơn anh Nguyễn Chí T:* Quá trình Thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T không lên làm việc, không có mặt, không khai báo, nên Tòa án phải đi xác M và lập các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải...Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, tại địa chỉ và nơi ở của anh T theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm về tố tụng:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và hòa giải, các bước tổng đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

*Về nội dung:* Quan hệ về tranh chấp Ly hôn - nuôi con chung là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết ly hôn của chị Phạm Thị M Th với anh Nguyễn Chí T.

*Về con chung:* Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Th, là phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu (T + Th) đều muốn ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; vì vậy việc giao cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Th không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

*Về tài sản chung nợ chung:* Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

*Về án phí:* chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản hòa giải hoặc bản khai khi Tòa án làm việc, không viết bản tự khai và cũng không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị Phạm Thị M Th với anh Nguyễn Chí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 23/8/2004; quan hệ hôn nhân của chị Th và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa chị Th và anh T luôn xảy ra (theo biên bản xác M và chị Th khai), vợ chồng hay bất đồng quan điểm, anh T hay gây áp lực với chị Th, anh T không có trách nhiệm với gia đình, chị Th và anh T đã sống ly thân lâu rồi, T cảm giữa chị Th và anh T không còn. Hội đồng xét xử, xét cuộc sống vợ chồng chị Th và anh T không có ý thức hỗ trợ chia sẻ nhau trong công việc, T cảm giữa chị Th và anh T đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; mặc dù anh T không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; việc chị Th khai là hoàn toàn có cơ sở bởi lẽ việc quan tâm về T cảm của vợ chồng phải diễn ra liên tục và thường xuyên, nhưng đối với anh T và chị Th đã ly thân nhau, chứng tỏ họ không còn quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình, đồng thời trách nhiệm của người chồng người cha đối với gia đình là không còn, anh T để mặc cho chị Th tự lo toan cuộc sống để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung trong thời gian ly thân; vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th với anh T là có cơ sở.

[3] *Về con chung:* chị Th và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Chí Thông, sinh ngày 15/ 4/ 2004 và Nguyễn Chí Thái, sinh ngày 17/ 7/ 2006; xét chị Th là người trực tiếp nuôi con từ nhỏ đến nay, hơn nữa anh T không thường xuyên quan tâm đến con chung trong thời gian hai vợ chồng ly thân, đồng thời nguyện vọng của 02 cháu (Thông + Thái) đều muốn ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; Hội đồng xét xử, xét nên giao 02 con chung (Thông + Thái) cho chị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; nếu sau này anh T có yêu cầu về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến; nếu sau này chị Th có yêu cầu, thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

[5] *Về án phí:* chị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M Th.

*Về hôn nhân:* chị Phạm Thị M Th được ly hôn anh Nguyễn Chí T.

*Về con chung:* Giao 02 con chung tên Nguyễn Chí Thông, sinh ngày 15/ 4/ 2004 và Nguyễn Chí Thái, sinh ngày 17/ 7/ 2006, cho chị Phạm Thị M Th là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu (Thông+Thái) thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và áp dụng việc cấp dưỡng nuôi con chung; anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*Về án phí:* chị Phạm Thị M Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006419 ngày 10/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/6/2020) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; riêng anh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết

tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H Phú Thiện;
- Chi cục THADS.H Phú Thiện;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

***Bùi Đức Ruyệt***